



Competition Name: **2006 Canada's Strongest Man, Gatineau QC**

Date: **2nd - 4th September 2006**

ATHLETE NAME	1. Bus Pull			2. Frame Walk			3. Train Wheels			4. Atlas Stones			5. Keg Squat			6. Hercules Hold			7. Log Medley			8. Car Walk			9. Super Medley			TOTAL POINTS	FINAL PLACING
	RESULT	PTS		RESULT	PTS		RESULT	PTS		RESULT	PTS		RESULT	PTS		RESULT	PTS		RESULT	PTS		RESULT	PTS		RESULT	PTS			
Paulin, Jessen	29.15	4 th	9	22.77	1 st	12	5 / 40.90	1 st	12	5 / 30.81	1 st	12	16	T 6 th	6.5	46.56	1 st	12	2 / 18.38	5 th	8	19.36	1 st	12	47.15	2 nd	11	94.5	1 st
Filiou, Dominic	25.84	1 st	12	67.08'	5 th	8	5 / 51.12	3 rd	10	4 / 20.08	2 nd	11	22	T 2 nd	10.5	12.91	12 th	1	4 / 32.50	1 st	12	65.00	6 th	7	64.84	5 th	8	79.5	2 nd
Jean, Louis-Philippe	29.87	6 th	7	24.37	2 nd	11	4 / 29.77	6 th	7	4 / 24.56	4 th	9	22	T 2 nd	10.5	34.68	3 rd	10	2 / 11.08	4 th	9	80.06'	8 th	5	57.34	4 th	9	77.5	3 rd
Savoie, Christian	29.53	2 nd	11	27.82	3 rd	10	5 / 45.00	2 nd	11	4 / 31.12	7 th	6	8	T 10 th	2.5	27.78	5 th	8	1 / 5.97	8 th	5	19.59	2 nd	11	41.20	1 st	12	76.5	4 th
Cummine, Scott	30.81	7 th	6	32.01'	9 th	4	4 / 33.34	4 th	9	4 / 26.26	5 th	8	19	4 th	9	24.00	7 th	6	3 / 22.67	2 nd	11	53.01'	10 th	3	2 / 58.07'	7 th	6	62	5 th
Bourgeois, Steve	28.56	3 rd	10	52.03'	8 th	5	4 / 28.71	5 th	8	3 / 13.27	9 th	4	16	T 6 th	6.5	32.59	4 th	9	-	-	0	23.93	4 th	9	2 / 63.06'	6 th	7	58.5	6 th
Colonval, Chris	33.84	10 th	3	66.11'	7 th	6	4 / 33.34	8 th	5	4 / 20.31	3 rd	10	23	1 st	12	26.28	6 th	7	1 / 10.34	10 th	3	76.09'	9 th	4	2 / 55.1'	8 th	5	55	7 th
Block, Al	29.65	5 th	8	10.07'	10 th	3	4 / 34.90	9 th	4	4 / 27.02	6 th	7	14	8 th	5	44.87	2 nd	11	1 / 47.67	11 th	2	23.03	3 rd	10	2 / 28.1'	10 th	3	53	8 th
Montgomery, Joe	36.46	12 th	1	67.0'	6 th	7	4 / 45.17	1 th	2	4 / 64.14	8 th	5	12	9 th	4	17.84	9 th	4	1 / 5.83	7 th	6	89.02'	7 th	6	52.80	3 rd	10	45	9 th
Schooten, Jonathan	32.84	9 th	4	68.05'	4 th	9	4 / 37.09	10 th	3	3 / 21.68	12 th	1	8	T 10 th	2.5	22.46	8 th	5	1 / 6.45	9 th	4	25.71	5 th	8	2 / 41.01'	9 th	4	40.5	10 th
Connors, Grant	32.69	8 th	5	-	-	0	4 / 33.02	7 th	6	3 / 21.11	11 th	2	17	5 th	8	12.96	11 th	2	3 / 24.08	3 rd	10	13.04'	11 th	2	2 / 26.04'	11 th	2	37	11 th
Bates, Sean	34.56	11 th	2	-	-	0	4 / 48.12	12 th	1	3 / 19.83	10 th	3	4	12 th	1	13.62	10 th	3	1 / 5.35	6 th	7	11.01'	12 th	1	2 / 24.01'	12 th	1	19	12 th